

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2025

Số : 03/QĐ- THCSTHPT.HDN

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thực hiện công khai cấp THCS và THPT, tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS và THPT DWIGHT HÀ NỘI

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/ TT- BGD ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD & ĐT về việc ban hành quy định về công khai đối với các cơ sở Giáo dục của hệ thống Giáo dục quốc dân;

Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 19/03/2024 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Dwight Hà Nội.

Quyết định số 2773/QĐ-BGDĐT ngày 08/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Phê duyệt chương trình giáo dục tích hợp cho trường Tiểu học Dwight Hà Nội; trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Dwight Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công khai các hoạt động của trường THCS và THPT Dwight Hà Nội năm học 2025-2026 (tháng 10/2025) theo nội dung Thông tư số 09/2024/TT-BGD ĐT gồm: Thông tin về chất lượng hoạt động giáo dục năm học trước (năm học 2024 - 2025); Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên; Thông tin về cơ sở vật chất; Thông tin công khai tài chính.

Điều 2. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và các bộ phận trong nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Nơi nhận:

- BGH
- Các tổ, đoàn thể trong nhà trường
- Đăng website nhà trường
- Lưu VT



Lê Văn Thanh

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS & THPT DWIGHT HÀ NỘI

CÔNG KHAI

Thông tin chất lượng giáo dục thực tế cấp Trung học cơ sở
của trường THCS & THPT Dwight Hà Nội, năm học 2024-2025
(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-THCS.THPT DHN ngày 09/10/2025 của Hiệu trưởng
trường THCS & THPT Dwight Hà Nội)

1. Công khai Chất lượng giáo dục năm học 2024- 2025 (cấp THCS)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo Kết quả rèn luyện	16	1	4	5	6
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	16 100%	1 100%	4 100%	5 100%	6 100%
2	Khá	0	0	0	0	0
3	Đạt	0	0	0	0	0
4	Chưa đạt	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo Kết quả học tập	16	1	4	5	6
1	Tốt	7 43.75%	1 100%	1 25%	3 60%	2 33.33%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	9 56,25%	0 0%	3 75%	2 40%	4 66.67%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
4	Chưa đạt	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	16	1	4	5	6
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	16 100%	1 100%	4 100%	5 100%	6 100%
2	Thi lại	0	0	0	0	0
3	Lưu ban	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Chuyển trường đi	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp Quận	0	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự tốt nghiệp	6				6
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	6				6
VII	Số học sinh thi đỗ vào THPT	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	16/7	1/1	4/3	5/3	6/3
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

2. Công khai Chất lượng giáo dục năm học 2024- 2025 (cấp THPT) – Chưa thực hiện


HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Thanh

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS và THPT DWIGHT HÀ NỘI

CÔNG KHAI

Tài chính trường THCS và THPT Dwight Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ- THCSTHPT DHN ngày 09/10/2025 của Hiệu trưởng trường
THCS và THPT Dwight Hà Nội)

1. Mức học phí dự kiến:

Mức học phí dự kiến của Trường THCS và THPT Dwight Hà Nội trong vòng 5 năm tới dự kiến tăng khoảng 5% hàng năm. Phụ huynh khi tìm hiểu về chương trình học sẽ được Trường Dwight Hà Nội cung cấp thông tin chi tiết về bảng học phí để cân nhắc quyết định.

Bảng học phí dự kiến như sau:

Khối	2025 - 2026 (VNĐ)	2026 - 2027 (VNĐ)	2027 - 2028 (VNĐ)	2028 - 2029 (VNĐ)	2029 - 2030 (VNĐ)
Lớp 6	838,800,000	880,800,000	924,900,000	971,200,000	1,019,800,000
Lớp 7	838,800,000	880,800,000	924,900,000	971,200,000	1,019,800,000
Lớp 8	838,800,000	880,800,000	924,900,000	971,200,000	1,019,800,000
Lớp 9	838,800,000	936,100,000	983,000,000	1,032,200,000	1,083,900,000
Lớp 10	891,500,000	936,100,000	983,000,000	1,032,200,000	1,083,900,000
Lớp 11	891,500,000	1,002,600,000	1,052,800,000	1,105,500,000	1,160,800,000
Lớp 12	891,500,000	1,002,600,000	1,052,800,000	1,105,500,000	1,160,800,000

2. Các nguồn tài trợ, đầu tư khác:

Trường Tiểu học, THCS và THPT Dwight Hà Nội là đơn vị hạch toán phụ thuộc công ty cổ phần Bitexco, Tháp The Manor, đường Mễ Trì, Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, không có bất kỳ nguồn tài trợ, đầu tư nào khác.

3. Cơ chế quản lý thu chi đóng góp

- Về khoản thu: Tất cả các khoản thu từ Trường Tiểu học, THCS và THPT Dwight là từ học phí và các loại phí liên quan được công bố trong Biểu phí, không có bất kể khoản thu ngoài nào khác.

- Tất cả các khoản thu chi của nhà trường được kế toán theo dõi, hạch toán một cách minh bạch trong hệ thống sổ sách theo quy định của nhà nước.

Người lập biểu

Cao Thị Hoài An



HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Thành

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS và THPT DWIGHT HÀ NỘI

CÔNG KHAI
Thông tin cơ sở vật chất Trường THCS và THPT Dwight Hà Nội
Năm học 2025- 2026
(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-THCSTHPT DHN ngày 09/10/2025 của Hiệu trưởng trường THCS và THPT Dwight Hà Nội)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	30	1 phòng/lớp
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	30	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	25	-
III	Số điểm trường	0	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	32.029	32.029 m2
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1	2000 m2
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	4080	64m2/Phòng



2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	4	400 m2
3	Diện tích thư viện (m ²)	1	307.5 m2
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	800	
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
THCS			
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	
1.1	Khối lớp 6	1	1
1.2	Khối lớp 7	1	1
1.3	Khối lớp 8	1	1
1.4	Khối lớp 9	1	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
THPT			
3	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	3	
3.1	Khối lớp 10	1	1
3.2	Khối lớp 11	1	1
3.3	Khối lớp 12	1	1

4	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		0			
4.1	Khối lớp 10		0			
4.2	Khối lớp 11		0			
4.3	Khối lớp 12		0			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		30	1 hs/bộ/giờ học		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			Số thiết bị/lớp		
1	Ti vi		42			
2	Cát xét		0			
3	Đầu Video/đầu đĩa		0			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		N/A			
5	Thiết bị khác...		20			
	Nội dung	Số lượng (m ²)				
X	Nhà bếp	384				
XI	Nhà ăn	566				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	phòng,		m ² /chỗ		
XIII	Khu nội trú	0	0	0		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	29	0	22	0	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0



	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Lê Văn Thành

CÔNG KHAI

Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
cấp THCS và THPT, năm học 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-THCSTHPT DHN ngày 09/10/2025 của Hiệu trưởng trường THCS và THPT Dwight Hà Nội)

1. Số lượng giáo viên phân bổ cho năm học 2025 – 2026 triển khai đối với liên kết giáo dục

Tổng số giáo viên	Theo đối tượng giáo viên		Theo trình độ đào tạo			
	Giáo viên Việt Nam	Giáo viên nước ngoài	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Khác
34	17	17	22	12	0	0

2. Số lượng giáo viên nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Tốt	Khá	Đạt	CĐ
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên											
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	34	0	12	22	0	0	0	0	34	0	0
1	Toán	4	0	1	3	0	0	0	0	4	0	0
2	Lý	2	0	1	1	0	0	0	0	2	0	0
3	Hóa	3	0	1	2	0	0	0	0	3	0	0
4	Sinh	3	0	1	2	0	0	0	0	3	0	0
5	Tin	2	0	1	1	0	0	0	0	2	0	0
6	Văn	3	0	2	1	0	0	0	0	3	0	0
7	Lịch sử	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0
8	Địa lí	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0
9	Tiếng Anh	4	0	1	3	0	0	0	0	4	0	0
10	Thể dục	3	0	1	2	0	0	0	0	3	0	0
11	Âm nhạc	3	0	0	3	0	0	0	0	3	0	0
12	Mỹ thuật	2	0	1	1	0	0	0	0	2	0	0
13	GDCD - HĐTN	2	0	1	1	0	0	0	0	2	0	0
14	Công nghệ	1	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0
15	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0

II	Cán bộ quản lý	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0
III	Nhân viên	15	0	5	9	0	1	0	0	15	0	0
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0
3	Thủ quỹ	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0
5	Nhân viên thư viện	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0
9	Nhân viên khác	8	0	5	3	0	1	0	0	8	0	0

Hiệu trưởng



Lê Văn Thanh